TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1X** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4x/2025/HS-ST
Ngày: 29/9/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1X, TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Đỗ Quốc H.

Các Hội thẩm nhân dân.

1/ Ông Lê Chánh Ng – Nguyên Hiệu trưởng trường THCS Thuận Nam;

2/ Ông Nguyễn Thanh P - Nguyên Hiệu trưởng trường THCS Tân Thuận;

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Mỹ L – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 2x/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3x/2025/QĐXXST-HS ngày 15/09/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 0x/TB-HPT ngày 25/9/2025, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **MAI VĂN M** - Tên gọi khác: Minh lãng; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 10 năm 2007, tại B (nay là tỉnh Đ); Nơi cư trú: Khu phố H, phường Đ, thành phố P, tỉnh B (nay là phường T, tỉnh Đ); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Tiền án: Không;

- Tiền sự: Ngày 25/11/2022, bị đưa đi trường giáo dưỡng theo Quyết định số 68/QĐ-TA ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B về hành vi "*Trộm cắp tài sản*", thời hạn 24 tháng, đến ngày 25/11/2024 chấp hành xong.

*** Quan hệ gia đình:** Cha: Mai Văn T - sinh năm 1988, nghề nghiệp: Lao động biển; Mẹ: Nguyễn Thị L - sinh năm 1989, nghề nghiệp: Nội trợ; Vợ, con: Chưa có; Tất cả cùng trú tại Khu phố H, phường Đ, thành phố P, tỉnh B (nay là phường T, tỉnh Đ).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2025 đến ngày 14/6/2025; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 18/8/2025 cho đến nay. (có mặt tại phiên tòa)

Đại diện hợp pháp của bị cáo Mai Văn M:

- Ông Mai Văn T, sinh năm 1988. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, phường T, tỉnh Đ (trước đây là khu phố H, phường Đ, thành phố P, tỉnh B).

2. Họ và tên: **NGÔ HỮU T** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày 13 tháng 4 năm 2009, tại B (nay là tỉnh Đ); Nơi cư trú: Khu phố E, phường Đ, thành phố P, tỉnh B (nay là phường T, tỉnh Đ); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 16/6/2023, có hành vi "*Trộm cắp tài sản*" bị Chủ tịch UBND phường P xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

+ Ngày 19/12/2024, bị áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy vì có hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma túy*" (theo Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy số 404 ngày 25/12/2024 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh B).

+ Ngày 15/4/2025, Ngô Hữu T cùng các đồng phạm có hành vi "*Cướp tài sản*", xảy ra tại phường L, thành phố P, tỉnh B (nay là phường P, tỉnh Đ), vụ việc được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh L) thụ lý giải quyết theo Thông báo về việc tiếp nhận Tin báo về tội phạm số 2971 ngày 22/4/2025.

* **Quan hệ gia đình**: Cha: Ngô Hữu L1 - sinh năm 1978, nghề nghiệp: Làm biển; Mẹ: Lê Thị Băng T2 - sinh năm 1980, nghề nghiệp: Buôn bán; Gia đình bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2018, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tất cả cùng trú tại Khu phố E, phường Đ, thành phố P, tỉnh B (nay là phường T, tỉnh Đ).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2025, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực số A, T3 tạm giam số 3 Công an tỉnh L. (có mặt tại phiên tòa)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Hữu T:

- Ông Ngô Hữu L1, sinh năm 1978 (có mặt)
- Bà Lê Thị Băng T2, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố E, phường T, tỉnh Đ (trước đây là khu phố E, phường Đ, thành phố P, tỉnh B).

Người bào chữa cho bị cáo Mai Văn M và bị cáo Ngô Hữu T: Ông Nguyễn Trường D, sinh năm 1982, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. (có mặt)

Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Đ (trước đây là thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh B). (Vắng mặt – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Đ (trước đây là thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh B). (Vắng mặt – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Thanh S, sinh ngày 02/11/2007. Địa chỉ: Khu phố G, phường T, tỉnh Đ (trước đây là khu phố G, phường Đ, thành phố P, tỉnh B). (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Trương Thanh S: Bà Nguyễn Thị H1. Địa chỉ: Khu phố G, phường T, tỉnh Đ (trước đây là khu phố G, phường Đ, thành phố P, tỉnh B). (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1971. Địa chỉ: F T, khu phố C, phường T, tỉnh Đ (trước đây là F T, khu phố C, phường Đ, thành phố P, tỉnh B). (vắng mặt)

- Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khu phố E, phường T, tỉnh Đ (trước đây là khu phố E, phường Đ, thành phố P, tỉnh B). (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Quốc H3, sinh năm 2004. Địa chỉ: Tổ I, khu phố H, phường T, tỉnh Đ (trước đây là tổ I, khu phố H, phường Đ, thành phố P, tỉnh B). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với hành vi của bị cáo được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/6/2025, Mai Văn M (sinh ngày 18/10/2007, trú khu phố E, phường Đ, thành phố P, tỉnh B; nay là phường T, tỉnh Đ) rủ Ngô Hữu T (sinh ngày 13/4/2009, trú khu phố E, phường Đ, thành phố P, tỉnh B; nay là phường T, tỉnh Đ) đi tìm tài sản ai để sơ hở trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, M và T đi ngang qua nhà của gia đình ông Nguyễn Văn D1 (sinh năm: 1972, trú thôn T, xã T, Tp ., tỉnh B; nay là xã T, tỉnh Đ) thì phát hiện cửa nhà không đóng khóa nên đã cùng nhau leo qua hàng rào, đột nhập vào bên trong, mở cửa nhà, sau đó vào phòng ngủ tìm tài sản để trộm cắp. Quá trình lục tìm tài sản, T và M đã lấy trộm được số tài sản gồm: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k có trọng lượng 2,5 chỉ mặt dây chuyền hình bông hoa; 01 (một) nhẫn vàng 24k trọng lượng 0,5 chỉ; 01 (một) Laptop hiệu ASUS màu trắng xám.

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xong, M giao hết các tài sản đã trộm cắp được cho T cất giữ rồi M về nhà ngủ, còn T đến ngủ nhờ tại nhà của Nguyễn Quốc H3 (sinh năm: 2004; trú khu phố H, phường Đ, thành phố P, tỉnh B; nay là phường T, tỉnh Đ), đồng thời nhờ H3 chở giúp T đem số vàng đã trộm cắp đi bán nhưng H3 không đồng ý. Đến ngày 02/6/2025, T tiếp tục nhờ bà Huỳnh Thị H2 (sinh năm: 1996, trú Khu phố E, phường Đ, thành phố P, tỉnh B; nay là phường T, tỉnh Đ) chở đến tiệm V1 tại Khu phố C, phường Đ, thành phố

P, tỉnh B (nay là phường T, tỉnh Đ). Sau đó, T đưa và nhờ bà H2 đem 01 (một) sợi giây chuyền kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình bông hoa, loại 18k có trọng lượng 2,5 chỉ và 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng 24k trọng lượng 0,5 chỉ vào tiệm vàng bán. Bà H2 cầm số vàng T đưa vào tiệm V1 bán cho chủ tiệm là ông Nguyễn Quang V (sinh năm: 1971, trú Khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh B; nay là phường T, tỉnh Đ) được số tiền 20.775.000 (*hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng. Khi bán xong, bà H2 đưa hết số tiền trên cho T, thì T cho bà H2 số tiền 1.000.000 (*một triệu*) đồng. Sau đó, T gặp M nói dối là bán vàng được số tiền 6 triệu đồng và chia cho M 3.000.000 (*ba triệu*) đồng, thì M cho lại Nguyễn Quốc H3 số tiền 500.000 (*năm trăm nghìn*) đồng; số tiền còn lại thì T cất giữ tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Riêng cái Laptop hiệu ASUS thì T gửi cho Trương Thanh S (sinh ngày: 02/11/2007, trú Khu phố G, phường Đ, thành phố P, tỉnh B; nay là phường T, tỉnh Đ) nhờ cất giữ để sửa chữa dùm.

Tại Cơ quan Công an Mai Văn M và Ngô Hữu T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. T đã giao nộp số tiền 800.000 đồng, M giao nộp số tiền 1.500.000 đồng cho Cơ quan Công an.

Cơ quan Công an đã yêu cầu Trương Thanh S đến làm việc, S đã trình bày rõ các nội dung như T đã khai nhận, đồng thời giao nộp 01 (một) Laptop hiệu ASUS cho Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan Công an bà Huỳnh Thị H2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi bán tài sản dùm T nêu trên, đồng thời giao nộp lại số tiền 1.000.000 đồng mà T đã cho bà H2 sau khi bán tài sản; Nguyễn Quốc H3 cũng đã tự nguyện nộp lại số tiền 500.000 đồng mà Ngô Hữu T đã cho từ tiền bán tài sản trộm cắp mà có.

Ông Nguyễn Quang V đã thừa nhận toàn bộ hành vi mua số vàng trên từ H2, sau khi mua xong thì ông V đã bỏ vào nấu thành cục vàng nên không còn để giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tang vật tạm giữ:

- 01 (một) chiếc Laptop hiệu ASUS màu trắng xám, Model X509AU, SN K8NCX18273435C do Trương Thanh S tự nguyện giao nộp.

- Tiền Việt Nam đồng: 3.800.000 (*ba triệu tám trăm nghìn*) đồng (là số tiền có được do bán tài sản trộm cắp mà có) do Mai Văn M, Ngô Hữu T, Huỳnh Thị H2 và Ngô Quốc H4 tự nguyện giao nộp.

Ngoài ra, quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Băng T4 (sinh năm: 1980, trú phường T, tỉnh Đ), mẹ ruột Ngô Hữu T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 3.500.000 đồng nhằm khắc phục tổng trị giá tài sản mà T đã chiếm đoạt của bị hại; Mai Văn M cũng đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 1.000.000 đồng mà M được chia từ số tiền bán tài sản trộm cắp mà có được.

Theo đơn trình báo và lời khai ban đầu của bị hại xác định những tài sản bị chiếm đoạt vào tối ngày 01/6/2025 gồm: 01 (một) chiếc Laptop hiệu ASUS màu trắng xám, 01 sợi dây chuyền vàng có mặt dây chuyền hình bông hoa có trọng lượng 2,5 chỉ loại 18k và 01 chiếc nhẫn vàng trọng lượng 01 chỉ loại 24k.

Vào ngày 06/6/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (cũ) có yêu cầu định giá tài sản số 6109/YC-VPCQCSĐT và số 6110/YC-VPCQCSĐT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố P (cũ) định giá đối với tài sản bị chiếm đoạt gồm 01 chiếc laptop nêu trên và định giá qua hồ sơ đối với 01 sợi dây chuyền loại 18k, 01 chiếc nhẫn loại 24k.

Tại kết luận định giá số 50/KL-HĐĐGTS và số 51/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố P kết luận như sau:

- 01 (một) laptop hiệu ASUS màu trắng xám, Model X509AU, SN K8NCX18273435C có giá trị là 1.600.000 đồng.

- 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt hình bông hoa, loại 18k, có trọng lượng 2.5 chỉ có giá trị là 15.625.000 đồng (6.250.000 đồng/chỉ x 2,5 chỉ = 15.625.000 đồng).

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, loại 24k, có trọng lượng là 1 chỉ có giá trị là 10.350.000 đồng (10.350.000 đồng/chỉ x 1 chỉ = 10.350.000 đồng).

Tuy nhiên, kết quả điều tra đến nay có đủ cơ sở để xác định: những tài sản mà Ngô Hữu T và Mai Văn M đã cùng nhau chiếm đoạt của gia đình ông Nguyễn Văn D1 vào tối ngày 01/6/2025 gồm:

- 01 chiếc laptop hiệu ASUS màu trắng xám, Model X509AU, SN K8NCX18273435C có giá trị là 1.600.000 đồng.

- Một sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt hình bông hoa, loại 18k, có trọng lượng **2.5 chỉ** có giá trị là 15.625.000 đồng.

- Một chiếc nhẫn kim loại màu vàng, loại 24k, có trọng lượng là **0,5 chỉ** có giá trị là 5.175.000 (*năm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng (10.350.000 đồng/chỉ x 0,5 chỉ = 5.175.000 đồng).

Do đó, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 22.400.000 (*Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

Tại bản cáo trạng số 2x/CT-VKSHTN-HS ngày 12/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1x - Đ truy tố bị cáo Mai Văn M và Ngô Hữu T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1x - Đ phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn M và Ngô Hữu T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 179, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Mai Văn M 07 tháng tù đến 09 tháng tù.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 2 Điều 179, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Ngô Hữu T 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã làm rõ và quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại 01 (một) laptop hiệu ASUS màu trắng xám, Model X509AU, SN K8NCX18273435C; số tiền 8.300.000 (*tám triệu ba trăm ngàn*) đồng.

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên không đặt ra để xử lý tiếp theo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị H (sinh năm 1975, trú thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh B; nay là thôn T, xã T, tỉnh Đ, là vợ ông Nguyễn Văn D1) đã nhận lại tài sản bị mất trộm là chiếc Laptop và không yêu cầu bồi thường gì đối với tài sản này. Riêng số vàng không thu hồi được, bà H yêu cầu Ngô Hữu T và Mai Văn M bồi thường tổng số tiền là 17.500.000 đồng (đó là số tiền bị hại đã bỏ ra để mua số vàng mà các bị cáo đã chiếm đoạt trong vụ án). Quá trình điều tra, truy tố vụ án đến nay, bị hại đã nhận lại được tổng số tiền 8.300.000 (*tám triệu ba trăm ngàn*) đồng, bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 9.200.000 (*chín triệu hai trăm nghìn*) đồng. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị hại Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn D1 trình bày ý kiến: không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm ngoài số tiền đã nhận. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bị hại và không trái quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận và không đặt ra xử lý nữa.

* ***Đối với hành vi những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:

- Bà Huỳnh Thị H2, quá trình điều tra xác định bà H2 không biết việc Ngô Hữu T cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trước đó; khi được Ngô Hữu T nhờ đem số vàng đi bán đi bán, bà H2 không biết đây là tài sản do T và M trộm cắp mà có; ngay khi biết được tài sản do mình đem bán giùm cho T là tài sản do trộm cắp mà có, bà H2 đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 1.000.000 đồng mà T đã cho bà từ số tiền bán tài sản trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Huỳnh Thị H2 về tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" là có căn cứ.

- Ông Nguyễn Quang V, quá trình điều tra xác định tại thời điểm mua vàng do bà Huỳnh Thị H2 đem đến bán, ông V hoàn toàn không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Nguyễn Quang V về tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" là có căn cứ.

- Ông Trương Thanh S, quá trình điều tra xác định khi được Ngô Hữu T nhờ cất giữ giùm chiếc Laptop thì ông S không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có; ngay khi biết được tài sản đang cất giữ là do trộm cắp mà có thì ông S đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Trương Thanh S về tội: "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*" là có căn cứ.

- Ông Nguyễn Quốc H3, quá trình điều tra xác định khi cho Ngô Hữu T ngủ nhờ trong nhà cùng với số tài sản vừa chiếm đoạt được, ông H3 hoàn toàn không biết việc M và T vừa trộm cắp tài sản; khi T nhờ chở đi bán tài sản thì ông H3 không đồng ý; ngay khi biết được số tiền 500.000 đồng mà T đưa cho mình là tiền có được do bán tài sản trộm cắp, ông H3 đã tự nguyện giao nộp lại số tiền trên cho Cơ quan Công an. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Quốc H3 về tội: "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*" là có căn cứ.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo không tranh luận, thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và các điểm khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu tại phần luận tội, chỉ đề nghị HĐXX khi quyết định hình phạt cần xem xét, cân nhắc về sự hạn chế trong nhận thức pháp luật của các bị cáo do các bị cáo đều chưa thành niên và hoàn cảnh của các bị cáo để xét xử các bị cáo ở mức thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không tranh luận.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều trình bày cảm thấy hối hận về hành vi đã thực hiện. Các bị cáo không có ý kiến hoặc tranh luận; chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm có cơ hội được trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy trình của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã thu thập lời khai của những người này đầy đủ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Mai Văn M và Ngô Hữu T đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Thế nhưng, để có tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 01/6/2025, tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh B (nay là xã T, tỉnh Đ), Mai Văn M và Ngô Hữu T đã cùng nhau đột nhập vào nhà của gia đình ông Nguyễn Văn D1 lén lút chiếm đoạt 01 (một) dây chuyền vàng 18k có trọng lượng 2,5 chỉ mặt dây chuyền hình bông hoa; 01 (một) nhẫn vàng 24k trọng lượng 0,5 chỉ; 01 (một) Laptop hiệu ASUS màu trắng xám với tổng giá trị tài sản là 22.400.000 (*Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng. Hành vi của Mai Văn M và Ngô Hữu T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị can không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ mà chỉ bộc phát, cùng nhau thực hiện tội phạm. Bị cáo Mai Văn M là người rủ rê khởi xướng và cả hai bị cáo đều là những người thực hành tích cực.

Hành vi của bị cáo Mai Văn M và Ngô Hữu T là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo Mai Văn M và Ngô Hữu T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) như nội dung Cáo trạng đã truy tố và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[4] Các yếu tố nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mai Văn M là người trực tiếp rủ rê bị cáo Ngô Hữu T đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Ngô Hữu T chỉ mới 16 tuổi 01 tháng 19 ngày, nên hành vi của bị cáo Mai Văn M thuộc trường hợp "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội", đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời, khi thực hiện hành vi phạm tội, Mai Văn M và Ngô Hữu T chưa đủ 18 tuổi (Mai Văn M được 17 tuổi 07 tháng 14 ngày, Ngô Hữu T được 16 tuổi 01 tháng 19 ngày). Do

đó, cần áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét tính chất, mức độ phạm tội cần phải xử lý nghiêm. Tuy nhiên cần xem xét các tình tiết liên quan, yếu tố nhân thân, hoàn cảnh và các điều kiện khác của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly ra khỏi đời sống xã hội để tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo, rèn luyện thành người có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời bảo đảm tính răn đe, tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1x - tỉnh Đ tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã làm rõ và quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại 01 (một) laptop hiệu ASUS màu trắng xám, Model X509AU, SN K8NCX18273435C; số tiền 8.300.000 (*tám triệu ba trăm ngàn*) đồng.

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên không xử lý tiếp theo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị H (sinh năm 1975, trú thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh B; nay là thôn T, xã T, tỉnh Đ, là vợ ông Nguyễn Văn D1) đã nhận lại tài sản bị mất trộm là chiếc Laptop và không yêu cầu bồi thường gì đối với tài sản này. Riêng số vàng không thu hồi được, bà H yêu cầu Ngô Hữu T và Mai Văn M bồi thường tổng số tiền là 17.500.000 đồng (đó là số tiền bị hại đã bỏ ra để mua số vàng mà các bị can đã chiếm đoạt trong vụ án). Quá trình điều tra, truy tố vụ án đến nay, bị hại đã nhận lại được tổng số tiền 8.300.000 (*tám triệu ba trăm ngàn*) đồng, bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 9.200.000 (*chín triệu hai trăm nghìn*) đồng. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, các bị hại Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn D1 cùng trình bày ý kiến không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm ngoài số tiền đã nhận. Đây là ý chí tự nguyện của các bị hại và không trái quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận và không đặt ra xử lý tiếp theo.

[8] Đối với hành vi của bà Huỳnh Thị H2, ông Nguyễn Quang V, ông Nguyễn Quốc H3; quá trình điều tra xác định hành vi của những người này không đủ có dấu hiệu cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025);

Tuyên bố các bị cáo Mai Văn M và Ngô Hữu T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); Khoản 2 Điều 179, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn M 08 (T5) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/06/2025 đến ngày 14/6/2025.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); Khoản 2 Điều 179, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Hữu T 07 (Bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày từ ngày 05/06/2025.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Mai Văn M và Ngô Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Về kháng cáo: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của cáo, Người bào chữa có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2025). Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.
- **TÒA**
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc H